

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-9-2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doanh Thiêm Vân.

2. Ông Đỗ Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Ông
Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Chị Nông Thị Ngọc L, sinh năm 1987 – Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1989 – Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

3. Người làm chứng:

- Bà Lý Thị C, sinh năm 1964 – Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Ông Nông Phan C1, sinh năm 1964 – Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 03/4/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nông Thị Ngọc Lan trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Ngọc L và anh Dương Văn H kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 18/4/2011. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ tháng 12 năm 2011, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, trong cuộc sống hôn nhân không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm dẫn đến giữa hai người đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Dương Văn H phạm tội và phải đi chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian dài, sau khi chấp hành xong hình phạt, quay về anh vẫn không thay đổi tính nết, vẫn không quan tâm đến gia đình, vợ con. Nay chị Nông Thị Ngọc L thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn H.

2. Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có một người con chung tên là Dương Yến X, giới tính nữ, sinh ngày 25/8/2011 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Ly hôn, chị Nông Thị Ngọc L có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Yến X cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung sau khi ly hôn: Chị Nông Thị Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Nông Thị Ngọc L, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do đương sự Dương Văn H đi làm ăn xa, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần tuy nhiên anh Dương Văn H không về để Tòa án tiến hành các thủ tục lấy lời khai, thu thập chứng cứ theo quy định, vì vậy Tòa án đã tiến hành thủ tục xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 303/CV-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2023 của UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cung cấp thông tin chị Nông Thị Ngọc Lan, sinh ngày 06/8/1987 và anh Dương Văn H, sinh ngày 24/10/1989 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 18/4/2011. Hai người có một con chung tên là Dương Yến X, sinh ngày 25/8/2011, hiện nay con chung của hai người đang sinh sống cùng với mẹ là chị Nông Thị Ngọc L. Hiện tại chị Nông Thị Ngọc L sinh sống tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại văn bản số 124/UBND-CV, ngày 29/5/2023 của UBND xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn trả lời Tòa án như sau: Về hồ sơ đăng ký kết hôn chị Nông Thị Ngọc L, sinh ngày 06/8/1987 và anh Dương Văn H, sinh ngày 24/10/1989 không đăng ký kết hôn tại xã B. Về con chung, hai vợ chồng có 01 người con chung, hiện con chung của hai người đang ở với chị Nông Thị Ngọc L, địa chỉ thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn chị Nông Thị Ngọc L, hộ khẩu thường trú ở thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2023, ông Nông Phan C1, sinh năm 1964, và bà Lý Thị C, cùng địa chỉ thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là cha đẻ và mẹ đẻ của chị Nông Thị Ngọc L xác định chị Nông Thị Ngọc L kết hôn với anh Dương Văn H vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chị L và anh H ở tại nhà ông C1, bà C vì theo phong tục

địa phương, do nhà ông bà toàn con gái nên ông, bà cho anh H về ở rể. Quá trình chung sống hai vợ chồng anh H, chị L không có tài sản chung hay nợ chung gì. Hiện tại giữa hai vợ chồng con gái ông, bà đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa do vậy ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho con gái ông, bà là chị Nông Thị Ngọc L được ly hôn với anh Dương Văn H.

Tòa án đã tiến hành ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 05/9/2023 theo quy định, tuy nhiên do bị đơn anh Dương Văn H vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 21/9/2023. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/9/2023, bị đơn anh Dương Văn H tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nông Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Dương Văn H thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị Ngọc L về việc xin ly hôn với anh Dương Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Dương Yến X cho chị Nông Thị Ngọc L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Anh Dương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải và tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhằm đáp ứng cho việc giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị Ngọc L và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn*” được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo văn bản đề ngày 29/5/2023 của UBND xã B, huyện Ngân Sơn thì bị đơn anh Dương Văn H hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Dương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nông Thị Ngọc L và anh Dương Văn H kết hôn trên cơ sở yêu đương, tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2011 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị Ngọc L và anh Dương Văn H là hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011, nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung về cuộc sống hôn nhân, sinh hoạt hàng ngày, bản chất anh H lười lao động, không chịu tu chí làm ăn để vun vén hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến vợ con. Anh H và chị L đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, chị L khẳng định không còn tình cảm với anh H nữa, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn H tuy không ở nhà nhưng đã được gia đình thông báo về việc Tòa án đã thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nông Thị Ngọc L nhưng anh không quan tâm, cũng như không có động thái gì để hàn gắn hay níu kéo cuộc sống hôn nhân của anh và chị L, như vậy có thể thấy quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho hai bên đương sự ly hôn.

2.2. Về quan hệ nuôi con chung:

Vợ chồng chị L và anh H có một người con chung tên là Dương Yến X, giới tính nữ, sinh ngày 25/8/2011 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho mình được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành thủ tục lấy lời khai của cháu Dương Yến X về nguyện vọng chung sống với bố hay mẹ sau khi ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2023, cháu Dương Yến X trình bày là nếu ly hôn nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ, vì cháu đã ở với mẹ từ nhỏ, bố cháu rất ít khi về nhà, việc chăm sóc, học tập của cháu hoàn toàn do mẹ chăm lo, hiện nay cháu đang học lớp 6, năm nay lên lớp 7 tại trường tiểu học và trung học cơ sở xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và sống cùng nhà với mẹ là chị Nông Thị Ngọc L và hai ông bà ngoại. Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên đương sự Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn thấy rằng, cháu X từ nhỏ đã sống với chị Nông Thị Ngọc L, việc sinh hoạt và học tập của cháu là đều do chị L và ông bà ngoại đưa đón, trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc, còn anh Dương Văn H thì làm ăn ở xa, không thường xuyên về nhà và cũng không quan tâm đến con, do vậy nếu giao cho cháu Dương Yến X cho chị Nông Thị Ngọc L là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sẽ phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của cả hai bên đương sự, ngoài ra, cháu Nhi giới tính là nữ, vì vậy nếu để cháu ở với mẹ sẽ đảm bảo hơn cho sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu. Từ những căn cứ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Dương Yến X cho chị Nông Thị Ngọc L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Điều đó là đúng với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế khách quan và hoàn cảnh hiện tại của hai bên đương sự và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương Yến X.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2.4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị Ngọc L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị Ngọc L đối với bị đơn anh Dương Văn H về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

Tuyên xử: Chị Nông Thị Ngọc L được ly hôn với anh Dương Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung của hai bên đương sự là cháu Dương Yến X, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2011 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Nông Thị Ngọc L là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Dương Yến X đủ 18 tuổi. Anh Dương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0000375, ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn. Xác nhận nguyên đơn chị Nông Thị Ngọc L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Quyền kháng cáo:

5.1. Nguyên đơn Nông Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5.2. Bị đơn Dương Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã B, huyện Ngân Sơn;
- UBND xã B, huyện C;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Công

